

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**  
**Năm báo cáo: 2015**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104890396
- Vốn điều lệ: 160.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.800.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số nhà 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 043.583.2189
- Số fax/: 043.884.9389
- Website: <http://www.dautusocson.com>
- Mã cổ phiếu: DPS

**Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn thành lập vào ngày 31 tháng 8 năm 2010 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 01 ngày 31 tháng 8 năm 2010 và thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 04 năm 2015 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Được góp vốn bởi 03 cổ đông sáng lập với số vốn góp ban đầu là 4,9 tỷ đồng. Ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chính là bán buôn sắt thép, có trụ sở chính đặt tại Tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Ngày 11 tháng 09 năm 2014, Công ty thay đổi trụ sở chính đến số nhà 156, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội với diện tích 500m<sup>2</sup> và kho hàng diện tích 1.000m<sup>2</sup> tại địa chỉ km 19, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Với trụ sở mới và kho hàng khang trang tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại của Công ty.
- Tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện 2 đợt tăng vốn điều lệ từ 4,9 tỷ đồng lên 30 tỷ và tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 160,8 tỷ đồng để mở rộng hoạt động kinh doanh. Kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đi vào hoạt động được gần 6 năm, bước đầu cũng đã khẳng định được năng lực của mình trên thị trường, bằng chứng là Công ty đã và đang cung cấp thép với số lượng lớn cho một số dự án như: dự án xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền - Bộ Công An, Dự án Khu đô thị Vân Canh – Hoài Đức – Hà Nội, dự án xây dựng Nhà công vụ Bộ Công an, Dự án xây dựng cầu Thái Hà, Dự án xây dựng nhà ở



cho CBCNV Bệnh viện 103... Bên cạnh đó, Công ty vẫn đang nỗ lực tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường trong và ngoài nước để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được thành tựu tốt nhất.

- 6/5/2015, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (mã: DPS) đã chính thức lên sàn niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội- HNX

- 23/7/2015 Công ty khai trương văn phòng đại diện Hà Nội tại địa chỉ số 31 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## *2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán sắt thép thành phẩm

- Là nhà phân phối cho một số hãng sản xuất thép lớn của Việt Nam:

+ Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên: là con chim đầu đàn của ngành thép Việt Nam, Sóc Sơn vinh dự là một trong 10 đại lý phân phối cấp 1 hiệu quả của đơn vị này. Có được thành công đó là nhờ sự nỗ lực của toàn bộ tập thể CBCNV và những định hướng, chiến lược sáng suốt của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Bên cạnh đó Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn còn là đại lý phân phối cấp 1 của thép Shengli, Việt Mỹ và là nhà phân phối cấp 2 của các hãng thép Việt Sing, Natsteelvina.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn theo dự án công trình

- Địa bàn phân phối từ các tỉnh miền Trung trở ra

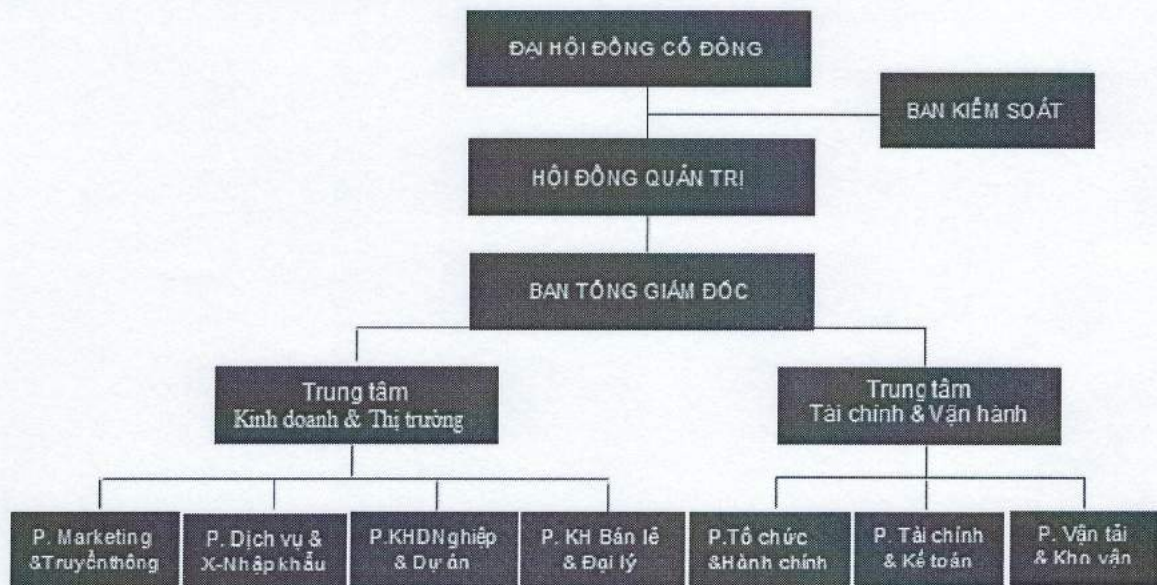
## *3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị

Công ty thực hiện mô hình quản lý theo sơ đồ trực tuyến – chức năng

- Cơ cấu bộ máy quản lý

104  
CÔ  
CÔ  
TƯ  
SỐ  
SỐ



- Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền nắm 37,5% vốn (30/80 tỷ)

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn đặt mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp sắt thép, vật liệu cho các nhà phân phối, các công trình có quy mô vừa và lớn cho các đối tác trong và ngoài nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Sóc Sơn hiện chuẩn bị triển khai Đề án Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, mở đầu bằng việc tái cấu trúc bộ máy quản lý và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, nhằm mục đích quản trị nhân sự và kinh doanh hiệu quả hơn, mang lại doanh thu tốt hơn. Đồng thời cũng không ngừng mở rộng thị trường để có thêm nhiều khách hàng mới.

- Các mục tiêu phát triển bền vững

Không chỉ đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu, Công ty luôn gắn liền với trách nhiệm xã hội, luôn đảm bảo những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng...

Cam kết toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty nhận thức đầy đủ các vấn đề về môi trường, an toàn lao động và có trách nhiệm đối với tầm ảnh hưởng hành động của Công ty lên xã hội nói chung

#### 5. Các rủi ro

390  
VG T  
PHÁ  
PHÁT  
S

### *a. Rủi ro về kinh tế*

#### ***Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam***

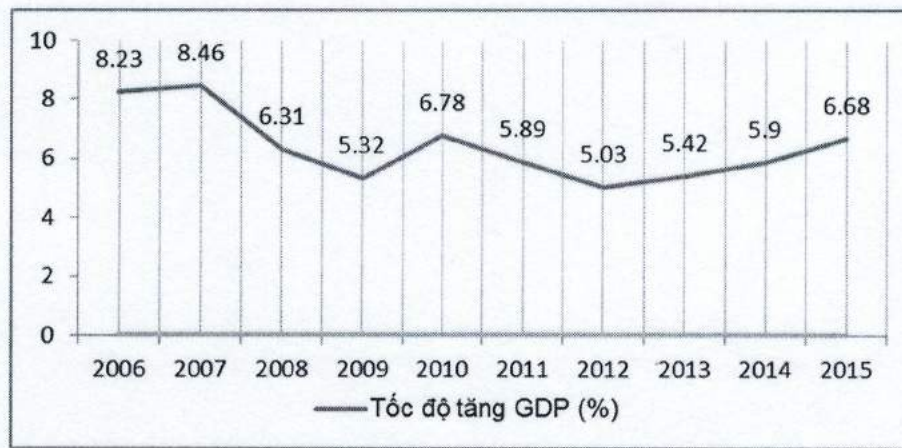
Kinh tế - Xã hội nước ta năm 2015 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đẩy nhanh tăng trưởng nhưng vẫn có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Do đó, nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều biến động ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn nói riêng.

Con số đáng chú ý nhất về kinh tế Việt Nam 2015 là lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô dần ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 0,63%, thấp nhất trong 14 năm qua. Trần lãi suất huy động duy trì ở mức 5,5%/năm, lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh về mức 7%/năm với ngắn hạn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng và phát triển sản xuất. Tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, tăng trưởng quý 1 đạt 6,12%, quý 2 tăng 6,47%, quý 3 tăng 6,87% và quý 4 tăng 7,01%. Trong tình hình nền kinh tế có một số xu hướng bất ổn như giá dầu và giá hàng hóa tiếp tục giảm, con số tăng trưởng này của Việt Nam là tín hiệu tích cực cho các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp ngành thép như Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tự tin mở rộng sản xuất.

#### ***Biểu đồ tốc độ tăng GDP Việt Nam từ năm 2006 -2015***

Y  
N  
TRIE  
N  
H



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

**b. Rủi ro về lãi suất, tỷ giá**

Năm 2015, được coi là một năm đầy biến động, nhiều thách thức trong chính sách tiền tệ và chính sách tỉ giá trước bối cảnh USD liên tục lên giá do kỳ vọng Fed điều chỉnh tăng lãi suất và Trung Quốc bất ngờ điều chỉnh mạnh tỷ giá đồng Nhân dân tệ, kéo theo làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền của các đối tác thương mại chính của Việt Nam.

Ở trong nước, việc huy động trái phiếu Chính phủ (TPCP) để bù đắp thâm hụt ngân sách không thành công đã đẩy lãi suất TPCP tăng cao, tạo áp lực kép lên thị trường tiền tệ. Dư thừa thanh khoản trong ngắn hạn trong khi lãi suất tăng cao trong dài hạn, qua đó gián tiếp cản trở mục tiêu tiếp tục giảm lãi suất cho vay và ổn định tỷ giá. Tính chung trong năm 2015, NHNN thực hiện điều chỉnh tăng tỉ giá 3% và nới biên độ thêm 2% từ mức +/-1% lên +/-3%.

Hiện nay, mặc dù hoạt động chính của Công ty không phải là xuất khẩu, tuy nhiên sự biến động của tỷ giá sẽ gây áp lực cạnh tranh về giá thép của các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước.

Về lãi suất, do trong cơ cấu vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm, đây là tín hiệu tích cực cho sự phục hồi của nền kinh tế. Trong ngắn hạn yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành. Tuy nhiên, trong dài hạn, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và tình hình lãi

suất trên thị trường biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro sẽ tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

*c. Rủi ro về luật pháp*

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam luôn luôn thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế; Công ty trở thành một tổ chức kinh doanh trong môi trường pháp lý toàn cầu và buộc phải hoạt động trong môi trường pháp lý quốc tế; sự thay đổi của chính sách, pháp luật trong và ngoài nước luôn có sự ảnh hưởng và tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển của Công ty.

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

*d. Rủi ro đặc thù*

***Rủi ro ngành***

Mặc dù năm 2015 ngành thép đã có những điểm sáng là giá nguyên liệu đầu vào có xu hướng giảm, nhu cầu tiêu thụ tăng, nhưng tình hình trong nước đang đối mặt với khả năng thừa cung lớn khi thép từ Trung Quốc nhập về Việt Nam ngày càng nhiều với giá rẻ. Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) vừa công bố chính thức ngành thép đã nhập siêu 6,54 tỉ USD trong năm 2015, trong đó Trung Quốc chiếm 52% trong tổng lượng thép đã nhập khẩu. Bên cạnh đó, đồng Rúp của Nga mất giá cũng khiến thép Nga bán ở thị trường Việt Nam dễ dàng tiêu thụ với giá thấp. Trong năm 2015, lượng thép tiêu thụ của những doanh nghiệp trong nước vẫn tăng trưởng theo sự hồi phục của thị trường bất động sản, nhưng giá bán thì lại không tăng mà còn giảm khiến biên lợi nhuận sụt giảm. Đó là chưa kể đến rủi ro khi mà nhà máy thép Formosa (công suất giai đoạn 1 là 10 triệu tấn/năm) đi vào hoạt động sẽ cung cấp lượng cung rất lớn ra thị trường, càng khiến cho giá bán có thể giảm thêm từ 5-10%. Do vậy, việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty có thể sẽ gặp khó khăn về giá bán cũng như sản lượng tiêu thụ.



### ***Rủi ro về lĩnh vực hoạt động***

Bên cạnh những khó khăn đang hiện hữu, việc Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới sẽ dẫn đến bảo hộ thép bằng thuế quan sẽ giảm, sản phẩm thép nhập khẩu từ Trung Quốc, Nga vào Việt Nam sẽ gia tăng. Theo thông tin từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), hơn 1,78 triệu tấn là lượng phôi thép ước nhập khẩu vào Việt Nam năm 2015, tăng 198% so với cùng kỳ 2014. Hơn 1,62 triệu tấn thép cuộn và dây thép ước được nhập khẩu vào Việt Nam trong khi sản xuất thép cuộn trong nước chỉ đạt 1,13 triệu tấn. Việt Nam có nguy cơ trở thành thị trường tiêu thụ thép nhập khẩu.

Trước thực trạng đó, bản thân các doanh nghiệp sản xuất trong nước cần nghiên cứu đưa ra các biện pháp quản lý chặt chẽ hơn nữa, cũng như đầu tư công nghệ hiện đại trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm có giá bán cạnh tranh. Đó là biện pháp cao nhất giúp doanh nghiệp sản xuất phát triển ổn định. Việc khó khăn của các nhà sản xuất sẽ gây ảnh hưởng tới nguồn cung nguyên vật liệu của Công ty, gây áp lực cạnh tranh cho các Công ty cùng ngành.

#### ***e. Rủi ro về Công ty***

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại với sản phẩm chủ lực là thép và xi măng, do vậy nguồn nguyên liệu đầu vào là một trong những yếu tố quan trọng tác động tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Việc khó khăn trong sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất khiến cho nguồn hàng hóa phân phối của Công ty có thể không đáp ứng kịp thời. Do vậy, Công ty cũng đã có các phương án dự phòng, đồng thời liên kết với các đối tác đáng tin cậy nhằm đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### ***f. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán***

##### ***Rủi ro của đợt chào bán***

Do đợt phát hành này Công ty không có tổ chức bảo lãnh phát hành nên có khả năng không phân phối hết số lượng cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp số cổ phần chào bán không được phân phối hết, số cổ phiếu còn dư sẽ do Hội đồng quản trị Công ty phân phối

cho các đối tượng khác với nguyên tắc giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần. Trong tình hình kinh tế đang dần khởi sắc, việc hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đã đạt được những kết quả khả quan là yếu tố tích cực để Hội đồng quản trị phân phối hết số cổ phiếu của đợt chào bán. Hơn nữa giá cổ phiếu của Công ty đóng cửa tại ngày 02/03/2016 là 12.000 đồng, theo phương án phát hành giá chào bán cho cổ đông hiện hữu bằng 10.000 đồng/cổ phiếu. Với mức chênh lệch giá giữa giá thị trường và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu thì khả năng bán hết số cổ phần dự kiến chào bán là khả thi. Việc phân phối hết số cổ phiếu sẽ giúp Công ty tăng vốn đối ứng thực hiện kế hoạch đầu tư và giảm áp lực lãi vay, nâng cao được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên nếu đợt chào bán không thành công như dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay để bù đắp vào nhu cầu vốn kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch kinh doanh linh hoạt theo nguồn vốn huy động được để đảm bảo hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.

#### ***Rủi ro từ kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán***

Số tiền huy động được từ đợt phát hành này Công ty sẽ sử dụng để đầu tư vào việc bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mua xe đầu kéo phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa. Công ty cam kết sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Với việc mua xe đầu kéo phục vụ hoạt động vận chuyển hàng hóa, Công ty đã đàm phán về mặt nguyên tắc với đối tác bán nên rủi ro từ việc này gần như là không có. Khi đưa vào sử dụng, những xe đầu kéo này sẽ được khai thác tối đa mang lại lợi nhuận cho Công ty trong mảng vận chuyển.

Đối với vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong thời gian tới: Trong tình hình thị trường thép cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thép ngoại đang tiếp tục chiếm lĩnh thị trường thì hoạt động thương mại thép của Công ty sẽ khó khăn hơn và có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh. Tuy nhiên trong tình hình kinh tế đang trên đà tăng trưởng, các dự án xây dựng ngày càng nhiều thì nhu cầu vật liệu xây dựng cũng tăng lên đáng kể, với năng lực và uy tín của mình, Công ty tin tưởng rằng sẽ sử dụng tốt và có hiệu quả số tiền thu được từ đợt chào bán. Do vậy, rủi ro này là không đáng

041  
Đ  
Ồ  
I  
Ư  
P  
C  
IN



kê.

**g. Rủi ro pha loãng**

Pha loãng cổ phiếu là hiện tượng suy giảm lợi nhuận trên cổ phiếu (EPS) do phát hành thêm cổ phiếu mới bởi các hình thức khác nhau. Sau khi thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn, một số DN cần một số năm triển khai để đồng vốn huy động phát huy hiệu quả. Song, rõ ràng ngay sau khi phát hành thêm cổ phiếu, nếu không có biện pháp thúc đẩy lợi nhuận thì các chỉ số tài chính, đặc biệt là hệ số ROE của Công ty sẽ sụt giảm và nhà đầu tư có thể hiểu rằng, trong hiện tại, Công ty sử dụng vốn chưa tốt từ phát hành thêm cổ phiếu. Số lượng cổ phần tăng lên trong khi lợi nhuận thay đổi không tương ứng sẽ làm giảm lợi nhuận trên cổ phiếu, ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông Công ty, giảm uy tín của doanh nghiệp. Trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện những rủi ro pha loãng sau:

- **Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS):**

Giả định đợt phát hành của Công ty thành công với tỉ lệ 100% trong thời hạn dự kiến năm 2016, khi đó EPS của Công ty trước và sau khi phát hành dự kiến như sau:

Công thức tính:	EPS (cơ bản)	Lợi nhuận sau thuế TNDN
	=	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	(1)	16.080.00 0
Số lượng cổ phiếu chào bán (dự kiến bắt đầu giao dịch kể từ ngày 01/04/2016)	(2)	16.080.00 0
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân sau khi chào bán	(3)=(1)+(2)*3/4	28.140.00 0
Lợi nhuận sau thuế dự kiến 2016	(4)	30.000.000.000

EPS trước khi chào bán	(5)=(4)/(1)	1.865
EPS sau khi chào bán	(6)=(4)/(3)	1.066

• **Pha loãng giá cổ phiếu:**

✓ Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá cổ phiếu của Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường điều chỉnh} = \frac{\text{PR}_{t-1} + I \times \text{PR}}{(1+I)}$$

Trong đó:

✓ PR<sub>t-1</sub>: là giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền;

✓ PR là giá phát hành cho cổ đông hiện hữu;

✓ I là tỷ lệ vốn tăng

*Giả sử giá Cổ phiếu của Công ty trước ngày giao dịch không hưởng quyền của đợt phát hành là 12.000 đồng/cổ phiếu (giá đóng cửa cổ phiếu DPS tại ngày 02/03/2016). Do giá bán của đợt phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần (thấp hơn giá hiện tại cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường) nên giá cổ phiếu của DPS trên thị trường sẽ bị điều chỉnh giảm và giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua sẽ là:*

$$\frac{12.000 + 100\% \times 10.000}{1 + 100\%} = 11.000 \text{ (đồng)}$$

• **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

**h. Rủi ro quản trị Công ty**

Là toàn bộ các yếu tố có khả năng làm cho doanh nghiệp chịu thiệt hại về mặt lợi ích. Các yếu tố có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, nhân sự, năng suất hoạt động sản xuất kinh doanh, thương hiệu... Các rủi ro chủ quan chủ yếu là do con người tạo nên, phát sinh từ sai lầm của cả cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động. Từ quyết định của ban lãnh đạo, rủi ro có thể xuất hiện qua cơ cấu cổ đông chưa hiệu quả, tỷ lệ sở hữu quá phân tán, hoặc có nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đồng thuận. Ngược lại, các sự kiện bất khả kháng, sự thay đổi đột ngột của các văn bản luật, biến động thị trường... là các rủi ro khách quan, vượt khỏi tầm kiểm soát của các nhà quản trị. Vì thế, doanh nghiệp yêu cầu phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro này để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả. Trong quá trình hoạt động, để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra về mặt quản trị, Công ty luôn có kế hoạch rà soát lại các chính sách, quy trình nội bộ, thủ tục nghiệp vụ để đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động của cấp quản lý luôn chính xác và mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Các cán bộ quản lý cao cấp chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra trực tiếp hoạt động của các cán bộ quản lý cấp thấp hơn nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, ban kiểm soát nội bộ của Công ty có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định pháp lý của mỗi bộ phận. Bên cạnh đó, để đảm bảo luôn cập nhật nhanh, đúng và đầy đủ các văn bản pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, đồng thời hợp tác với các đơn vị tư vấn có uy tín bên ngoài để hỗ trợ cấp lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến Công ty bằng việc đưa ra những đánh giá độc lập, khách quan về thực trạng quản trị của Công ty, những khuyến cáo cho việc hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, xử lý mâu thuẫn phát sinh giữa các nhóm lợi ích,...

#### *i. Rủi ro khác*

Một số rủi ro khác có thể xảy ra như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng và khó có thể dự đoán trước được, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015 với tổng doanh thu là 1.010 tỷ tương đương 108% so với cùng kỳ năm 2014. Nghĩa vụ với Nhà nước năm 2015 là 5.088 triệu bằng 336%. Lợi nhuận năm 2015 đạt 18 tỷ bằng 338%. Thu nhập bình quân đầu người/tháng năm 2015 là 6.800 nghìn bằng 158% so với năm 2014.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Kết quả doanh thu đạt được trong năm 2015 bằng 100% so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra và tăng 12% so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra năm 2104. Nguyên nhân đạt 100% kế hoạch năm 2105 do mở rộng địa bàn hoạt động hoạt trong lĩnh vực phân phối thép xây dựng, Sóc Sơn hiện là nhà phân phối uy tín, chất lượng hàng đầu cho các doanh nghiệp sản xuất thép lớn như Tisco, Hòa Phát, Việt-Nhật, Việt-Ý, Việt-Mỹ, Việt-Sing...; có mặt ở hầu hết các dự án trọng điểm quốc gia, từ các công trình dân dụng,

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Giám đốc: Lê Tiến Dũng

Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Ngọc.

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

#### a. Giám đốc Lê Tiến Dũng:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/10/1975
- Nơi sinh: Xóm 9, Xã Nghĩa Hành, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số HC: B2906343 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Ngày cấp: 20/11/2013
- Địa chỉ: Xóm 9, Xã Nghĩa Hành, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: TV HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
-----------	---------	-----------------

Từ năm 1999 – 2008	Trưởng nhóm kỹ thuật lập trình CNC	Công ty Roze Robotech Khu CN Nobura Hải Phòng
Từ năm 2008 – 12/2011	Trưởng phòng Kinh doanh	Công ty ASAHI INTECH Hà Nội
Từ 01/2012 – 02/2014	Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
Từ 02/2014 – 04/2014	Phó Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
Từ tháng 04/2014 – nay	Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
Từ ngày 05/02/2015 – nay	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:

- + Sở hữu cá nhân: 80.400 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Các khoản thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không

**b, Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Ngọc**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 07/08/1983

- Nơi sinh: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 012668527 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 24/09/2010

- Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2005 – năm 2013	Kế toán	CTCP Xây dựng Năng Lượng
Từ năm 2013 – Nay	Kế toán trưởng	CTCP Đầu tư Phát Triển Sóc Sơn

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Các khoản thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Những thay đổi trong ban điều hành: Không
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 34

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Chính sách đối với người lao động:

Ngoài mức lương, công ty còn có các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp công việc, phụ cấp xăng xe điện thoại, phụ cấp thu hút...

Chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước

Chế độ thăm hỏi, ốm đau, nuôi con nhỏ, hiếu hỉ, thai sản...

Các chế độ khác như: sinh nhật, quà mừng 01/06, mừng 08/03, 20/10... và các ngày lễ tết theo quy định của pháp luật.

Hàng năm công ty tiến hành đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho CBCNV, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm là 19 tỷ, đây là khoản đầu tư hợp đồng tiền

gửi có kỳ hạn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thảo Huyền là Công ty liên kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn với lĩnh vực kinh doanh chính:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (sắt, thép)
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu, gas, khí hóa lỏng)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại không bao gồm các loại phế thải nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, điện áp và trạm biến áp đến 560KVA)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng nhà các loại
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh...

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
<b>I</b>	<b>TÌNH HÌNH SXKD</b>	
1	Tổng doanh thu	<b>404,035,155,583</b>
2	Tổng chi phí SXKD	397,176,107,163
3	Lợi nhuận trước thuế	3,941,620,801
4	Lợi nhuận sau thuế	3,074,464,225
<b>II</b>	<b>TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>	
1	Tài sản ngắn hạn	39,772,570,530
-	Vốn bằng tiền	3,115,224,479
-	Hàng tồn kho	15,447,421,521
-	Các khoản phải thu	21,034,837,119
	Trong đó phải thu khó đòi	
2	Nợ phải trả	25,632,273,251
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	14,140,297,178
	Trong đó, lợi nhuận chưa phân phối	

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
----------	----------	----------	-------------

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	192,267,867,760	222,725,906,574	16%
Doanh thu thuần	935,002,443,514	1,012,311,988,109	8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6,830,034,300	23,407,529,230	243%
Lợi nhuận khác	10,228,020	(31,482,212)	-408%
Lợi nhuận trước thuế	6,840,262,320	23,376,047,018	242%
Lợi nhuận sau thuế	5,325,466,830	18,233,316,675	242%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của Công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú/
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	6.32	5.06	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	3.71	3.70	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			



<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	13.27%	16.95%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	15.31%	20.41%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	13.85	19.23	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4.86	4.55	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.57%	1.80%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3.19%	9.86%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.77%	8.19%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.73%	2.31%	
.....			

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp Công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

16.080.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (mệnh giá 10000 đồng/cổ phiếu). Tự do chuyển nhượng: 13.978.550 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 2.101.450.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 20/01/2016:

**\* Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tính tại ngày 20/01/2016**

**Bảng Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 20/01/2016**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	<b>Nguyễn Thị Liên</b>	Minh Hương - Hàm Yên - Tuyên Quang		1.124.400	6,99
	1.1 Nguyễn Văn Mai	Minh Hương - Hàm Yên - Tuyên Quang	Bố	0	0
	1.2 Hoàng Thị Thủy	Minh Hương - Hàm Yên - Tuyên Quang	Mẹ	0	0
	1.3 Nguyễn Văn Tiếp	Minh Hương - Hàm Yên - Tuyên Quang	Em trai	0	0
2	<b>Nguyễn Quang Tiến</b>	Tổ 33, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên		804.000	5,00
	.1 Nguyễn Quang Nguyên	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Em trai	482.400	3,00
	.2 Nguyễn Thị Kim Duyên	Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	Em gái	500	0,003
	.3 Nguyễn Thị Thu Hồng	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Em gái	400	0,002
	.4 Nguyễn Thị Thúy Nga	Thị trấn Sóc Sơn, Hà Nội	Em gái	500	0,003
	.5 Dương Thị Cúc	Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Vợ	400	0,002
	.6 Nguyễn Thu Trà	Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Con gái	500	0,003
	.7 Nguyễn Ngọc Lâm	Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Con trai	683.400	4,25

<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.928.400</b>	<b>11,99</b>
------------------	--	------------------	--------------

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/01/2016 trên mức vốn thực góp hiện tại

*Bảng Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/01/2016 trên mức vốn thực góp hiện tại*

St	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>262</b>	<b>16.052.950</b>	<b>160.529.500.00</b>	<b>99,83</b>
1	Tổ chức (nhà nước, khác)	0	0	0	0
2	Cá nhân	262	16.052.950	160.529.500.00	99,83
<b>I</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>27.050</b>	<b>270.500.000</b>	<b>0,17</b>
1	Tổ chức (nhà nước, khác)	0	0	0	0
2	Cá nhân	3	27.050	270.500.000	0,17
<b>Tổng cộng</b>		<b>265</b>	<b>16.080.000</b>	<b>160.800.000.00</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu ...

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: 0

Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2015

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán

Không

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Công ty hoạt động trong lĩnh vực phân phối sắt thép nên không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Công ty không tái chế nguyên vật liệu sử dụng.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện lưới

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không

### 6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước hiện nay của công ty chủ yếu là khai thác nước ngầm, phục vụ kinh doanh và sinh hoạt hàng ngày

Lượng nước sử dụng khoảng: 365m<sup>3</sup>/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Kể từ khi hoạt động đến nay, công ty luôn chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về môi trường nên cho đến nay công ty chưa bị xử phạt vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Kể từ khi hoạt động công ty luôn chấp hành tốt pháp luật về môi trường nên số



tiền bị xử phạt cho tới thời điểm này là 0 đồng.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động: 34 người

Mức lương trung bình: 6.500.000 đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Ăn ca miễn phí tại Công ty.
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
- Đào tạo an toàn lao động thường xuyên.
- Cấp phát bảo hộ lao động như: găng tay, quần áo bảo hộ...
- Đóng BHXH theo quy định của Nhà nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên 8h/người/năm. Đào tạo vào cuối mỗi quý trong năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp 4 chương trình/năm.

Công ty đã ban hành các quy chế đào tạo, khuyến khích và hỗ trợ nhân viên học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để người lao động đảm bảo phát triển sự nghiệp

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

Công ty tích cực tổ chức và tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng như: đóng góp quỹ từ thiện địa phương, đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho các gia đình chính sách....

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

*Không*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh

**Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và so sánh kết quả hoạt động năm 2014 và năm 2015**

***Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh***

*Đơn vị: nghìn đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	192.267.868	222.725.907	15,84%
2	Doanh thu thuần	935.002.444	1.012.311.988	8,27%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.830.034	23.407.529	242,71%
4	Lợi nhuận khác	10.228	-31.482	-407,80%
5	Lợi nhuận trước thuế	6.840.262	23.376.047	241,74%
6	Lợi nhuận sau thuế	5.325.467	18.233.317	242,38%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn)*

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty khá khả quan, hầu hết các chỉ tiêu kết quả đều tăng. Tổng tài sản của Công ty năm 2015 tăng hơn 30 tỷ đồng (tương ứng tăng 15,84%) so với năm 2014. Vốn chủ sở hữu tăng lên đến 185 tỷ đồng từ mức gần 167 tỷ đồng năm 2014.

Doanh thu thuần của Công ty năm 2014 chủ yếu là từ hoạt động kinh doanh thương mại thép xây dựng. Năm 2014, Doanh thu thuần của Công ty đạt 935 tỷ đồng,

Doanh thu thuần năm 2015 tăng không nhiều so với năm 2014 nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2015 lại tăng đột biến, nguyên nhân là do giá vốn hàng bán Công ty giảm do sự sụt giảm mạnh của giá thép trên thị trường và do Công ty có kế hoạch dự trữ tại thời điểm

giá thép thấp. Tất cả những thuận lợi này đã tác động tốt đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2015, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt trên 18 tỷ đồng, tăng 242,38% so với năm 2014.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- Những nhân tố thuận lợi

Tình hình chung của nền kinh tế:

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm quốc nội tăng, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường Bất động sản có dấu hiệu phục hồi, mức tiêu thụ vật liệu xây dựng cũng theo đó mà tăng lên. Việt Nam tiến thêm một bước hội nhập với thế giới thông qua Hiệp định TPP, các doanh nghiệp nước ngoài tăng đầu tư vốn vào nền kinh tế, nhờ vậy ngành xây dựng được tiếp sức, là cơ sở cho ngành thép vực dậy.

Nguyên vật liệu đầu vào:

Giá thành liên tục giảm là cơ hội để Công ty giảm giá thành thép đầu ra, có mức giá cạnh tranh trong thị trường hiện nay, từ đó tăng sản lượng thép bán ra và mở rộng thị trường. Thêm vào đó nhờ có giá nguyên vật liệu giảm mà giá vốn giảm, nên dù doanh thu bị ảnh hưởng bởi giá thành sản phẩm thấp cũng đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.

Vật liệu phân phối:

Thép phân phối của Công ty là thép Tisco – một sản phẩm của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên, là một trong những sản phẩm thép được ưa chuộng trên thị trường; hiện Công ty cũng phân phối cả thép Hòa Phát và xi măng Hoàng Thạch,... đều là các sản phẩm có thương hiệu, nên việc phân phối không gặp nhiều khó khăn trong việc quảng cáo sản phẩm, tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Nhu cầu thị trường:

Nhu cầu về thép năm 2015 tăng mạnh. Theo báo cáo của Trung tâm thông tin - Bộ Công thương, năm 2015 sản lượng tiêu thụ thép xây dựng cả nước đạt gần 7 triệu tấn và tăng 24,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là điều kiện để doanh nghiệp tăng cường các hoạt động kinh doanh, sản xuất nhằm tăng sản lượng bán ra trên thị trường.

- Những nhân tố khó khăn

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:

Cho dù có điểm sáng nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, kinh tế thế giới có nguy cơ rơi vào cuộc suy thoái mới.

Kinh tế Trung Quốc trong năm qua tăng trưởng chậm lại, xuất khẩu trong tháng 9 của Trung Quốc đã giảm 1,1%, đồng nghĩa với việc đang có sự suy giảm về nguồn cầu trên thế giới và sự gia tăng những rủi ro mà nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt. Ngoài ra, các nền kinh tế lớn khác như Nga, Canada và Brazil đã phải trải qua hai quý liên tiếp tăng trưởng âm. Một số nước khác như Na Uy, Phần Lan và Australia cũng đang lâm vào tình trạng tương tự.

Kinh tế Việt Nam trong năm qua có bước phát triển đáng mừng với GDP tăng đạt 6,68%, tuy nhiên giá dầu thế giới giảm làm nguồn thu ngân sách từ dầu thô trong nước giảm. Việc hội nhập ngày càng sâu rộng là thách thức lớn cho các Doanh nghiệp Việt trước việc đổ bộ ồ ạt của các Công ty nước ngoài với các nguồn lực dồi dào hơn. Nhập siêu tăng mạnh làm khoản thu từ nước ngoài giảm. Thêm vào đó, đến tháng 6/2015, phát hành trái phiếu kho bạc Nhà nước chỉ đạt 71.950 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ năm 2014; mới hoàn thành 20% kế hoạch quý 2 và chưa đạt được 1/3 kế hoạch cả năm 2015 gây khó khăn cho nỗ lực bù đắp bội chi của Chính phủ.

Ngành thép năm 2015:

Năm 2015 đánh dấu bước ngoặt của kinh tế Việt Nam với việc chuẩn bị ký Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), hàng loạt các hiệp định Thương mại tự do (FTA) song phương, đa phương được ký kết, theo đó Việt Nam sẽ cắt giảm thuế quan đối với các hàng nhập khẩu như nguyên phụ liệu dệt, may, nguyên liệu nhựa, sản phẩm sắt thép,... Do vậy nguồn cung thép trên thị trường trở nên đa dạng, dồi dào hơn, người tiêu dùng có cơ hội được lựa chọn sử dụng thép ngoại với giá thành giảm. Đồng nghĩa với điều đó, ngành thép trong nước đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt với thép nhập khẩu từ các quốc gia như Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc,... Vì không đảm bảo đầu ra nên không ít doanh nghiệp không dám sản xuất với 100% công suất, làm lãng phí và giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

103  
T  
A  
T  
30  
1P



### Khả năng tiêu thụ:

Những năm qua, ngành thép có tốc độ phát triển nóng, cung vượt cầu, khi thị trường ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế, tiêu thụ giảm, dẫn đến sản lượng đạt thấp. Hiệp hội Thép Việt Nam cho biết, sản xuất thép trong nước năm 2015 đạt 15 triệu tấn, nhập khẩu thép thành phẩm đạt 13,6 triệu tấn trong khi dù cầu tăng mạnh hơn năm trước nhưng cả nước mới tiêu thụ chưa đầy 18 triệu tấn. Tình trạng này cũng là thực tế với hầu hết các chủng loại thép khác. Do vậy, thị trường nước ngoài là thị trường mà các doanh nghiệp cần dần hướng đến.

#### - Những tiến bộ công ty đã đạt được

Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty trẻ trung, năng động và nhiệt huyết. Các thiết bị máy móc và phương tiện vận tải tối ưu nên nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị trong quá trình vận chuyển hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng tốt cung cấp cho khách hàng. Bên cạnh đó, mặt hàng phân phối có tính cạnh tranh cao, là các sản phẩm có thương hiệu trên thị trường cũng như trong ngành.

Với điều kiện mặt bằng kinh doanh rộng, hiện đại Công ty có thể dự trữ được các mặt hàng với số lượng lớn và đảm bảo chất lượng. Đồng thời với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên đường quốc lộ nên việc vận chuyển hàng hóa, tiếp cận khách hàng hết sức thuận lợi.

Trong năm 2014 Công ty tăng gần 161 tỷ đồng vốn chủ sở hữu bằng việc phát hành cổ phiếu nhờ đó vốn kinh doanh được bổ sung, Công ty có thêm tiềm lực để mở rộng hoạt động kinh doanh. Việc niêm yết trên thị trường chứng khoán là bước ngoặt trong chặng đường phát triển của Công ty, cho thấy quyết tâm đưa doanh nghiệp phát triển vững chắc trong tương lai của ban lãnh đạo, đồng thời tạo niềm tin nơi các đối tác về triển vọng tươi sáng của Công ty.

Tính đến hết năm 2015 DPS đã tạo được uy tín trên sàn giao dịch bởi tính thanh khoản cao và giá ổn định, chưa kể đến những phiên tăng giá ấn tượng, thu hút được nhiều nhà đầu tư cá nhân trong và ngoài nước. Cùng với kết quả kinh doanh đạt tăng trưởng cao trong năm, vị thế của Công ty ngày càng được nâng cao.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Giá trị tổng tài sản 2015 tăng 16% so với 2014 chủ yếu là hàng tồn kho, tình hình kinh doanh của Công ty 2015 khá tốt, vòng quay hàng tồn kho 2015 là 19.23 lần so với năm 2014 là 13.85 lần.

### b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả chủ yếu là phải trả người bán 11,22 tỷ và vay ngắn hạn cho hoạt động kinh doanh 19 tỷ. Hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu ở mức thấp lần lượt là 16.95% và 20.41%. Không có nợ xấu, nợ đến hạn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mở rộng thị trường tiêu thụ bao gồm địa bàn khu vực miền Nam, miền Trung và khai thác các công trình dự án lớn.

Căn cứ vào Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, Sóc Sơn đưa ra kế hoạch trong năm 2016 sẽ có tổng doanh số bán hàng đạt 1.500 tỷ, trong đó mặt hàng chủ đạo là sắt thép và phôi thép. Một việc quan trọng không kém việc tăng doanh thu là việc mở rộng thị trường tiêu thụ bao gồm địa bàn khu vực miền Nam, miền Trung và khai thác các công trình dự án lớn, tăng lương khách hàng giao dịch.

Để đảm bảo triển khai tốt các mục tiêu, Công ty đưa ra cấu trúc mới trong mô hình hoạt động, thành lập 2 trung tâm vận hành, điều chỉnh và bổ nhiệm nhân sự phù hợp với cấu trúc mới. Trung tâm thứ nhất - Kinh doanh & Thị trường, có 4 phòng trực thuộc: Marketing & Truyền thông, Dịch vụ & Xuất nhập khẩu, Khách hàng Doanh nghiệp & Dự án, Khách hàng bán lẻ & Đại lý. Trung tâm thứ 2 - Tài chính & Vận hành, có 3 phòng trực thuộc: Tổ chức & Hành chính, Tài chính & Kế toán, Vận tải & Kho vận.

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không có

### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Không

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Không

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa

phương

Không

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

2015 là một năm đánh dấu bước ngoặt lịch sử của Sóc Sơn, Hội đồng quản trị đã đưa ra một quyết sách đúng, phù hợp với tốc độ phát triển là đưa Sóc Sơn trở thành Công ty đại chúng. Việc bước lên sàn chứng khoán cho tập thể CBCNV Công ty một sức mạnh mới, mở ra trang sử mới. Cùng với đó, sự nỗ lực trong kinh doanh đã mang lại kết quả bán hàng năm 2015 cao hơn năm 2014. Có thể nhận thấy qua các kết quả so sánh: tổng doanh thu năm 2015 là 1.010 tỷ tương đương 108% so với cùng kỳ năm 2014. Nghĩa vụ với Nhà nước năm 2015 là 5.088 triệu bằng 336%. Lợi nhuận năm 2015 đạt 18 tỷ bằng 338%. Thu nhập bình quân đầu người/tháng năm 2015 là 6.800 nghìn bằng 158% so với năm 2014.

Ngày 09/10/2015, tại Trung tâm nghệ thuật Âu Cơ (Số 8 Huỳnh Thúc Kháng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội) đã diễn ra lễ tôn vinh Doanh nhân văn hóa xuất sắc thời kỳ đổi mới và Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2015. Giải thưởng do Tạp chí Doanh nhân Việt Nam, Trung tâm Văn hóa Doanh nhân và Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam tổ chức bình chọn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là một trong 78 doanh nghiệp nhận giải thưởng “Doanh nghiệp mạnh & phát triển bền vững”; ông Nguyễn Quang Tiên - Chủ tịch HĐQT Công ty là một trong 120 doanh nhân nhận danh hiệu “Doanh nhân văn hóa xuất sắc thời kỳ đổi mới”.

Giải thưởng trên khẳng định sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo và tập thể CBNV trong doanh nghiệp, đã có đóng góp tích cực vào công tác phát triển xã hội. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn thành doanh nghiệp tiêu biểu trong sản xuất kinh doanh, đem tới cho khách hàng sản phẩm tốt nhất với chất lượng phục vụ chu đáo nhất, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty*  
Ban giám đốc đã hoàn thành thành tốt kế hoạch DHDCD đặt ra là tổng doanh thu năm 2015 là 1.010 tỷ tương đương 108% so với cùng kỳ năm 2014. Nghĩa vụ với Nhà nước năm 2015 là 5.088 triệu bằng 336%. Lợi nhuận năm 2015 đạt 18 tỷ bằng 338%.

##### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Kế hoạch ngắn hạn là trong năm 2016 tổng doanh số bán hàng đạt 1.990 tỷ, trong đó, mặt hàng chủ đạo sắt thép chiếm 1500 tỷ, tương đương 150.000 tấn. Phôi thép 480 tỷ, tương đương 80.000 tấn. Vận tải 10,8 tỷ, tương đương 100.000

tân

Trong trung và dài hạn mở rộng thị trường tiêu thụ bao gồm địa bàn khu vực miền Nam, miền Trung và khai thác các công trình dự án lớn, tăng lượng khách hàng giao dịch.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	804.000	5,00	0
2	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên HĐQT	683.400	4,25	0
3	Lê Tiến Dũng	Ủy Viên HĐQT kiêm Giám đốc	80.400	0,50	0
4	Nguyễn Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT	80.400	0,50	0
5	Nguyễn Quang Nguyên	Ủy Viên HĐQT	482.400	3,00	0

Thành viên độc lập và các thành viên khác: Không có

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại các công ty khác: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị :Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Ngày	Nội dung
1	01/02/2015	Về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
2	01/03/2015	Về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường

		2015
3	23/04/2015	Xác định giá và ngày giao dịch đầu tiên
4	30/06/2015	Lựa chọn đơn vị soát xét báo cáo bán niên và kiểm toán BCTC năm 2015
5	06/11/2015	Giải toả số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
6	30/12/2015	Tổ chức đại hội cổ đông bất thường

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm: Thạc sỹ Kinh tế- Đại học Ngoại thương

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

S T T	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Trịnh Thị Như Quỳnh	Trưởng BKS	1.000	0,01	0
2	Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	50.000	0,31	0
3	Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	500	0,00	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương/tháng (vnd)	Tháng	Tổng (vnd)
1	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
2	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
3	Nguyễn Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
4	Nguyễn Quang Nguyên	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
5	Lê Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	25.000.000	12	300.000.000
6	Trịnh Thị Như Quỳnh	Trưởng BKS	3.000.000	12	36.000.000
7	Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	3.000.000	12	36.000.000
8	Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	3.000.000	12	36.000.000
<b>Tổng</b>					<b>648.000.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	1.608.000	10	804.000	5	Bán ra
2	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên HĐQT	1.366.800	8,5	683.400	4,25	Bán ra
3	Nguyễn Quang Nguyên	Ủy viên HĐQT	964.800	6	482.400	3	Bán ra

4	Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	100.000	0,62	50.000	0,31	Bán ra
---	------------	----------------	---------	------	--------	------	--------

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

#### VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (trang 6)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015 (trang 7 đến trang 32)

### XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT

*Nguyễn Quang Tiến*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**  
**cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

kèm theo

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**





## MỤC LỤC

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	03-04
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	05-06
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	07-32
Bảng cân đối kế toán	07-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-32

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 04 năm 2015 là 160.800.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn*) tương đương 16.080.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại sắt thép.

#### 2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Tiến Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Giám đốc

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

#### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### 8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

12/10/15  
CH  
V/H

Số: 31/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được lập ngày 10 tháng 02 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

**Nguyễn Thị Huệ**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2493-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>190.956.744.500</b>	<b>161.412.232.921</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>9.545.696.009</b>	<b>22.830.187.594</b>
1. Tiền	111		9.545.696.009	22.830.187.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.2</b>	<b>19.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>110.875.128.337</b>	<b>67.609.356.791</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	83.506.362.364	48.771.985.137
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4.1	27.368.765.973	17.837.371.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4.2	-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4.2	-	1.000.000.000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.5</b>	<b>51.236.680.012</b>	<b>66.735.481.042</b>
1. Hàng tồn kho	141		51.236.680.012	66.735.481.042
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>299.240.142</b>	<b>4.237.207.494</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	59.380.660	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		239.859.482	4.237.207.494
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.769.162.074</b>	<b>30.855.634.839</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.752.028.747</b>	<b>855.634.839</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6.1	1.712.028.747	855.634.839
- Nguyên giá	222		3.627.090.908	2.399.454.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.915.062.161)	(1.543.819.706)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6.2	40.000.000	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.2</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.133.327</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	17.133.327	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>222.725.906.574</b>	<b>192.267.867.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.745.982.458</b>	<b>25.521.260.319</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.745.982.458</b>	<b>25.521.260.319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9.1	11.224.222.359	6.315.388.729
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.9.2	833.128.331	88.492.987
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	6.508.364.946	1.782.378.603
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		100.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.11	266.822	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.8	19.080.000.000	17.335.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.8	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>184.979.924.116</b>	<b>166.746.607.441</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.12</b>	184.979.924.116	166.746.607.441
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.800.000.000	160.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.800.000.000	160.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		24.179.924.116	5.946.607.441
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.946.607.441	621.140.611
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.233.316.675	5.325.466.830
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>222.725.906.574</b>	<b>192.267.867.760</b>

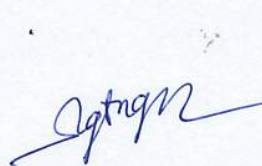
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Người lập



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

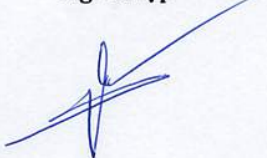
**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

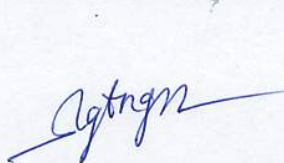
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.012.311.988.109	935.002.443.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.012.311.988.109	935.002.443.514
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	985.435.598.141	924.461.733.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.876.389.968	10.540.709.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	819.329.801	3.080.724
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.284.867.616	1.702.974.484
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.284.867.616	1.702.974.484
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7	806.205.398	790.501.331
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	2.197.117.525	1.220.280.555
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.407.529.230	6.830.034.300
12. Thu nhập khác	31		-	10.228.020
13. Chi phí khác	32	VII.6	31.482.212	-
14. Lợi nhuận khác	40		(31.482.212)	10.228.020
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.376.047.018	6.840.262.320
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	5.142.730.343	1.514.795.490
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.233.316.675	5.325.466.830
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.134	5.807
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016



Lê Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

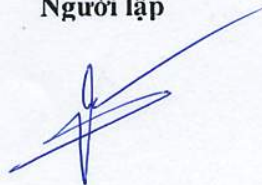
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.127.643.873.772	986.626.988.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.122.183.832.874)	(1.093.888.316.752)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.575.768.456)	(1.255.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.344.867.616)	(1.702.974.484)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(397.379.549)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.000.000.000	3.010.228.020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.990.846.663)	(1.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.151.178.614</b>	<b>(108.209.074.221)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.180.785.500)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.180.785.500	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		819.329.801	3.050.013
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.180.670.199)</b>	<b>(29.996.949.987)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			155.900.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		44.503.284.768	68.515.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.758.284.768)	(66.830.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.745.000.000</b>	<b>- 157.585.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(13.284.491.585)</b>	<b>- 19.378.975.792</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>22.830.187.594</b>	<b>3.451.211.802</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VI.01</b>	<b>9.545.696.009</b>	<b>22.830.187.594</b>

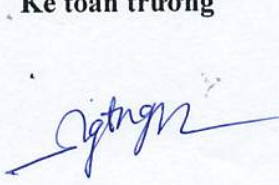
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Người lập



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 09 vào ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104890396 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 02/04/2015 là 160.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn*).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại sắt thép.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn sắt thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Thu gom rác thải độc hại;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Thu gom rác thải không độc hại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

#### 4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

##### a) Chứng khoán kinh doanh:

##### b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

##### c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

##### d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

### **e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

### **f) Lập dự phòng đầu tư tài chính**

## **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

### **a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

### **b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### **a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

13/  
CÔ  
NH  
P.  
HỆT  
U2

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### *c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### *d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

### *a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Phần mềm kế toán	02 năm

### *b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính*

### *c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

## 7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

## 8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

## 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

## 10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

14C  
NG  
HIÊN  
K  
N  
N

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

164  
T  
H  
F  
AA  
-T



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

#### **e) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

## **17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

## **18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

## **19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

### **21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **22. Công cụ tài chính**

#### **a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

#### **b) Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau: Trong năm Công ty kinh doanh chủ yếu các loại hàng hóa như sắt, thép cây, thép cuộn....

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.197.936.144	1.185.376.481
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.347.759.865	21.644.811.113
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.545.696.009</b>	<b>22.830.187.594</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-	-
b2) Dài hạn						
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền - tỷ lệ sở hữu 37,5%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>49.000.000.000</b>	<b>49.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	83.506.362.364	-	48.771.985.137	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	51.798.403.987	-	25.795.585.355	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	9.038.243.093	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất TPC	-	-	666.846.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Oanh	23.237.350.400	-	10.048.057.074	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Nguyễn Anh	8.205.449.213	-	14.964.778.764	-
- Công ty TNHH Thương mại Hà Căn	11.317.361.281	-	115.903.517	-
Phải thu khách hàng khác	23.263.684.427	-	9.551.823.823	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)				
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	8.444.273.950	-	13.424.575.959	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	8.444.273.950	-	13.424.575.959	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.506.362.364</b>	<b>-</b>	<b>48.771.985.137</b>	<b>-</b>

**4.1. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	26.296.446.557	17.414.452.760
- Các Công ty khác	1.072.319.416	5.342.418.778
<b>Cộng</b>	<b>27.368.765.973</b>	<b>22.756.871.538</b>

**4.2. PHẢI THU KHÁC VÀ PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	1.000.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	1.000.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. HÀNG TỒN KHO**

Hàng hóa	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	51.236.680.012	-	66.735.481.042	-
<b>Cộng</b>	<b>51.236.680.012</b>	<b>-</b>	<b>66.735.481.042</b>	<b>-</b>

**6.1. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	2.227.454.545	172.000.000	-	2.399.454.545
Tăng trong năm	-	-	645.454.545	582.181.818	-	1.227.636.363
- Mua trong năm			645.454.545	582.181.818		1.227.636.363
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	2.872.909.090	754.181.818	-	3.627.090.908
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	1.371.819.706	172.000.000	-	1.543.819.706
Tăng trong năm	-	-	371.242.455	-	-	371.242.455
- Số khấu hao trong năm			371.242.455			371.242.455
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.743.062.161	172.000.000	-	1.915.062.161
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	855.634.839	-	-	855.634.839
2. Tại ngày cuối năm	-	-	1.129.846.929	582.181.818	-	1.712.028.747

**6.2. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
- Mua trong năm				40.000.000		40.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	59.380.660	-
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	59.380.660	-
b) Dài hạn	17.133.327	-
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.133.327	-
<b>Cộng</b>	<b>76.513.987</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>19.080.000.000</b>	<b>19.080.000.000</b>	<b>44.503.284.768</b>	<b>42.698.284.768</b>	<b>17.335.000.000</b>	<b>17.335.000.000</b>
<i>Vay ngắn hạn VND</i>	<i>19.080.000.000</i>	<i>19.080.000.000</i>	<i>44.503.284.768</i>	<i>42.698.284.768</i>	<i>17.335.000.000</i>	<i>17.335.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)</i>	<i>10.530.000.000</i>	<i>10.530.000.000</i>	<i>33.953.284.768</i>	<i>38.698.284.768</i>	<i>15.335.000.000</i>	<i>15.335.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Oaun đôi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (***)</i>	<i>5.650.000.000</i>	<i>5.650.000.000</i>	<i>5.650.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>b) Vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>19.080.000.000</b>	<b>19.080.000.000</b>	<b>44.503.284.768</b>	<b>42.698.284.768</b>	<b>17.335.000.000</b>	<b>17.335.000.000</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Anh số 20/2015-HĐTDHM/NHCT144-CTCPDPTSS ngày 22 tháng 6 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 10.800.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ quy định trong từng khế ước nhận nợ, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(\*\*) Hợp đồng tín dụng hạn mức Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương số 02/2015/3629234/HĐTD ngày 25 tháng 12 năm 2015 với hạn mức 50.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 11 năm 2016, lãi suất và thời hạn trả nợ được xác định theo từng hợp đồng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(\*\*\*) Hợp đồng hạn mức tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm số 1502-LAV-201500849 ngày 15 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng 35.000.000.000 đồng, thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ xác định theo từng hợp đồng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

**9.1. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>11.224.222.359</b>	<b>11.224.222.359</b>	<b>6.315.388.729</b>	<b>6.315.388.729</b>
<i>Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp</i>	<i>8.920.790.883</i>	<i>8.920.790.883</i>	<i>5.456.014.663</i>	<i>5.456.014.663</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp</i>	<i>2.013.337.620</i>	<i>2.013.337.620</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại GOLD SEA</i>	<i>1.281.438.600</i>	<i>1.281.438.600</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Natsteelvina</i>	<i>5.626.014.663</i>	<i>5.626.014.663</i>	<i>5.456.014.663</i>	<i>5.456.014.663</i>
<i>Các khoản phải trả người bán khác</i>	<i>2.303.431.476</i>	<i>2.303.431.476</i>	<i>859.374.066</i>	<i>859.374.066</i>
<b>Cộng</b>	<b>11.224.222.359</b>	<b>11.224.222.359</b>	<b>6.315.388.729</b>	<b>6.315.388.729</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				

**9.2. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Anh Tuyên	400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Tây Bắc	-	88.450.086
- Phải trả cho các đối tượng khác	433.128.331	-
<b>Cộng</b>	<b>833.128.331</b>	<b>88.450.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	-	101.231.198.570	101.231.198.570	-
- Thuế TNDN	1.762.174.152	5.142.730.343	397.379.549	6.507.524.946
- Các loại thuế khác	20.204.451	840.000	20.204.451	840.000
<b>Cộng</b>	<b>1.782.378.603</b>	<b>106.374.768.913</b>	<b>101.648.782.570</b>	<b>6.508.364.946</b>

## b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả, phải nộp khác	266.822	-
<b>Cộng</b>	<b>266.822</b>	<b>-</b>

**12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	4.900.000.000				621.140.611	5.521.140.611
Tăng vốn trong năm trước	155.900.000.000					155.900.000.000
Lãi trong năm trước					5.325.466.830	5.325.466.830
Giảm vốn trong năm trước						-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>160.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.946.607.441</b>	<b>166.746.607.441</b>
Tăng vốn trong năm nay	-					-
Lãi trong năm nay					18.233.316.675	18.233.316.675
Giảm vốn trong năm nay						-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>160.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.179.924.116</b>	<b>184.979.924.116</b>

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ		-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	160.800.000.000	160.800.000.000
<b>Cộng</b>		<b>160.800.000.000</b>	<b>160.800.000.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	160.800.000.000	4.900.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	155.900.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	160.800.000.000	160.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

## d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.080.000	16.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận kế toán sau thuế  
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu  
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông  
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm  
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
18.233.316.675	5.325.466.830
16.080.000	917.077
<u>1.134</u>	<u>5.807</u>

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển  
- Quỹ khen thưởng sắp xếp doanh nghiệp  
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
-	-
-	-
-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng hóa  
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.012.311.988.109	935.002.443.514
<u>1.012.311.988.109</u>	<u>935.002.443.514</u>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Hàng bán bị trả lại  
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-	-
<u>-</u>	<u>-</u>

**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của hàng đã bán  
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
985.435.598.141	924.461.733.568
<u>985.435.598.141</u>	<u>924.461.733.568</u>

**4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi tiền gửi, cho vay  
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
819.329.801	3.080.724
<u>819.329.801</u>	<u>3.080.724</u>

**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lãi tiền vay  
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.284.867.616	1.702.974.484
<u>1.284.867.616</u>	<u>1.702.974.484</u>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản chi phí khác  
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
31.482.212	-
<u>31.482.212</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:</b>	<b>2.197.117.525</b>	<b>1.220.280.555</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.847.731.857	1.214.680.104
- Chi phí nhân công quản lý	1.015.260.031	774.917.254
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.242.455	416.414.155
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.229.371	23.348.695
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	349.385.668	5.600.451
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:</b>	<b>806.205.398</b>	<b>790.501.331</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	560.508.425	480.082.746
- Chi phí nhân viên	560.508.425	480.082.746
- Các chi phí bán hàng khác	245.696.973	310.418.585
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
<b>Cộng</b>	<b>3.003.322.923</b>	<b>2.010.781.886</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.376.047.018	6.840.262.320
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.171.727
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Tổng thu nhập chịu thuế	23.376.047.018	6.885.434.047
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.142.730.343</b>	<b>1.514.795.490</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	1.575.786.456	1.255.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.242.455	416.414.155
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.615.039	251.249.029
- Chi phí khác bằng tiền	245.678.973	88.118.702
<b>Cộng</b>	<b>3.003.322.923</b>	<b>2.010.781.886</b>

**VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ****IX. Những thông tin khác**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>Năm nay</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thép cây</b>	<b>Thép cuộn</b>	<b>Khác</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	778.396.169.466	205.123.936.581	28.791.882.062	1.012.311.988.109
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
	<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>778.396.169.466</b>	<b>205.123.936.581</b>	<b>28.791.882.062</b>	<b>1.012.311.988.109</b>
	Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.527.681.152	5.689.489.855	659.218.961	26.876.389.968
	Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.003.322.923
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.873.067.045
	Doanh thu hoạt động tài chính				819.329.801
	Chi phí tài chính				1.284.867.616
	Thu nhập khác				-
	Chi phí khác				31.482.212
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				5.142.730.343
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>18.233.316.675</b>
	<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>1.267.636.363</b>
	<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>433.352.107</b>
	<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Năm trước**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thép cây	Thép cuộn	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	719.164.210.030	213.581.728.063	2.256.505.421	935.002.443.514
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>719.164.210.030</b>	<b>213.581.728.063</b>	<b>2.256.505.421</b>	<b>935.002.443.514</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.107.466.878	2.407.804.451	25.438.617	10.540.709.946
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.010.781.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.529.928.060
Doanh thu hoạt động tài chính				3.080.724
Chi phí tài chính				1.702.974.484
Thu nhập khác				10.228.020
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.514.795.490
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>5.325.466.830</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>416.414.155</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>416.414.155</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>416.414.155</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thép cây	Thép cuộn	Khác	TỔNG CỘNG
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	124.652.490.661	32.848.580.957	4.610.736.731	162.111.808.349
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				60.614.098.225
<b>Tổng tài sản</b>				<b>222.725.906.574</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	640.616.637	168.816.101	23.695.593	833.128.331
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				36.912.854.127
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>37.745.982.458</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	102.563.191.815	30.459.835.790	321.810.228	133.344.837.833
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				58.923.029.927
<b>Tổng tài sản</b>				<b>192.267.867.760</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.925.594.117	1.462.832.672	15.454.926	6.403.881.715
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				19.117.378.603
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>25.521.260.318</b>

**3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

**4.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Ảnh hưởng của rủi ro tài chính**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	5.347.759.865	21.644.811.113
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	49.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.506.362.364	49.771.985.137
<b>Cộng</b>	<b>137.854.122.229</b>	<b>101.416.796.250</b>

**4.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	19.080.000.000	-		<b>19.080.000.000</b>
Phải trả người bán	11.224.222.359			<b>11.224.222.359</b>
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	266.822	-		<b>266.822</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	17.335.000.000	-		<b>17.335.000.000</b>
Phải trả người bán	6.315.388.729			<b>6.315.388.729</b>
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	-	-		-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**4.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SON**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4.5 Giá trị hợp lý**

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.545.696.009	9.545.696.009	22.830.187.594	22.830.187.594
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.506.362.364	(*)	49.771.985.137	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	19.000.000.000	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(19.080.000.000)	(19.080.000.000)	(17.335.000.000)	(17.335.000.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(11.224.222.359)	(11.224.222.359)	(6.315.388.729)	(6.315.388.729)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>111.747.836.014</b>	<b>(*)</b>	<b>78.951.784.002</b>	<b>(*)</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5 . Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	Số dư ngày 31/12/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng	469.874.398.601	8.444.273.950

**6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn đã được kiểm toán và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính như sau:

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TÀI SẢN	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
A. Tài sản ngắn hạn			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	67.609.356.791	66.609.356.791
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.237.207.494	5.237.207.494

**7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Lê Tiến Dũng